

Số: 101 /KH-HĐBCQG

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2026

## KẾ HOẠCH

SỞ NỘI VỤ TỈNH ĐIỆN BIÊN

**Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng đến Ủy ban bầu cử các cấp**

Số: 13.05  
Ngày: 12/10/2026

Chuyên: .....

Số và ký hiệu HS: .....

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng Bầu cử Quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Kế hoạch số 62/KH-HĐBCQG ngày 11/11/2025 của Hội đồng Bầu cử Quốc gia triển khai công tác bầu cử Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng đến Ủy ban bầu cử các cấp như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI

- Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử nhằm phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; đảm bảo Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, tin cậy, an toàn và bảo mật thông tin.

- Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng từ Hội đồng bầu cử quốc gia tới các Ủy ban bầu cử cấp tỉnh và cấp xã; cài đặt, cấu hình, hướng dẫn sử dụng Hệ thống phần mềm tới các cơ quan, đơn vị sử dụng.

### II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng tiến độ đề ra.

- Chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Quốc hội xây dựng Quy chế sử dụng hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử đáp ứng yêu cầu đặt ra; chuẩn bị tài liệu, video, thông tin hướng dẫn sử dụng, kế hoạch đào tạo phần mềm để gửi đến Ủy ban bầu cử cấp tỉnh và Ủy ban bầu cử cấp xã.

- Phối hợp với Văn phòng Quốc hội, các cơ quan liên quan, Ủy ban bầu cử các cấp triển khai phương án kết nối hệ thống thông qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng từ Hội đồng bầu cử quốc gia tới Ủy ban bầu cử các cấp; đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử.

- Thống kê, báo cáo kết quả triển khai thực hiện.

## **2. Văn phòng Quốc hội**

- Phối hợp cùng Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng Quy chế sử dụng hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử. Ban hành Quy chế sử dụng hệ thống phần mềm quản lý thông tin bầu cử.

- Xây dựng phương án kỹ thuật, bảo đảm đường truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối hệ thống phần mềm tại Trung ương đến Ủy ban bầu cử các cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử các cấp và các cơ quan liên quan triển khai kết nối Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử chạy trên nền Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử hoạt động an toàn, ổn định.

- Cử cán bộ phối hợp cùng Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia kịp thời hoàn thiện Hệ thống và hỗ trợ người dùng.

- Thiết lập tổng đài chăm sóc, hỗ trợ người dùng.

## **3. Ủy ban bầu cử cấp tỉnh**

- Bảo đảm các điều kiện về trang thiết bị (máy tính, hạ tầng mạng nội bộ...) để kết nối với Hệ thống phần mềm (Xem thông tin tại **Phụ lục 1** về yêu cầu kỹ thuật đối với máy tính, máy in và các thiết bị công nghệ thông tin khác). Chỉ đạo

cơ quan chức năng tại địa phương kiểm tra an toàn thông tin đối với máy tính kết nối vào hệ thống.

- Chỉ đạo Ủy ban bầu cử cấp xã và cơ quan chuyên môn liên quan cử đầu mối phối hợp với Văn phòng Quốc hội triển khai việc cài đặt, sử dụng phần mềm (theo hướng dẫn tại **Phụ lục 2**).

- Gửi tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin bầu cử, danh sách tài khoản truy cập, địa chỉ mạng (IP) do Văn phòng Hội đồng bầu cử Quốc gia cung cấp đến Ủy ban bầu cử cấp xã để triển khai cài đặt, sử dụng (**Phụ lục 3**).

- Phân công công chức giúp việc Ủy ban bầu cử cấp tỉnh và đơn đốc Ủy ban bầu cử cấp xã cập nhật dữ liệu của từng cấp trên Hệ thống kịp thời, chính xác.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng đến Ủy ban bầu cử các cấp. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức phối hợp triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tại Mục I (để ph/h);
- D/c CT HĐBCQG (để b/c);
- HĐBCQG;
- LĐ VPQH;
- Lưu: VP HĐBCQG.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA  
KÍ CHỮ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



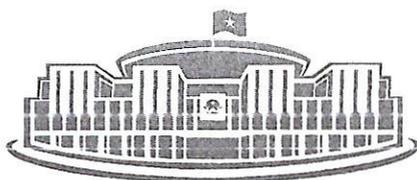
Đỗ Văn Chiến

## Phụ lục 1

### YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Ban hành kèm Kế hoạch số 101/KH-HĐBCQG  
ngày 09 tháng 1 năm 2026 của Hội đồng Bầu cử Quốc gia)

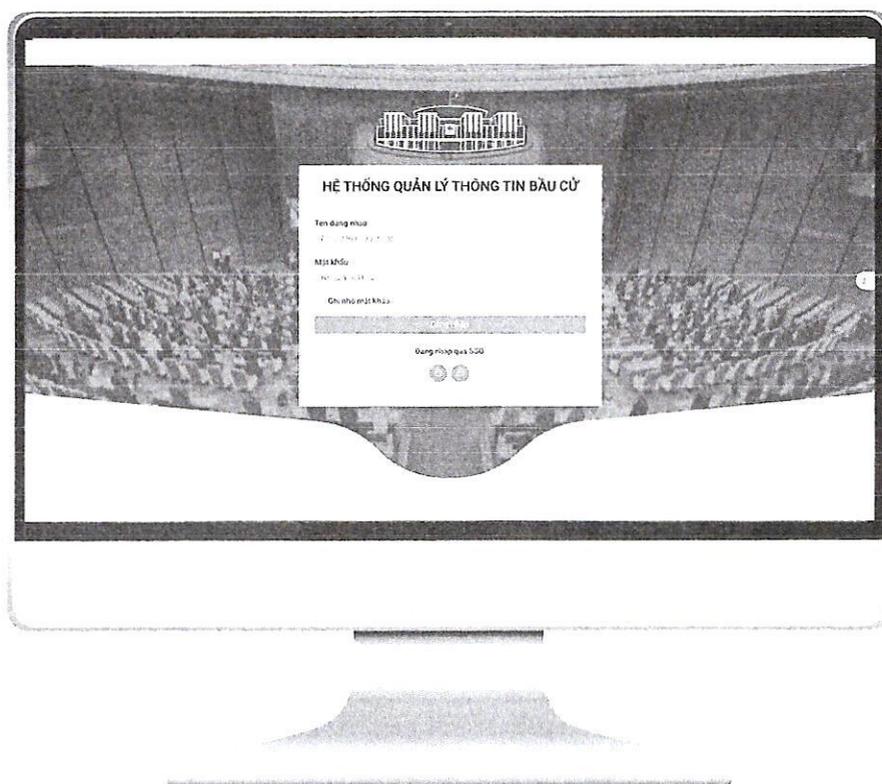
STT	Thiết bị	Yêu cầu tối thiểu	Trách nhiệm thực hiện
1	Máy tính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phần cứng máy tính: Bộ xử lý: Intel Core i5 thế hệ 10 trở lên; bộ nhớ RAM <math>\geq</math> 8GB; ổ cứng SSD <math>\geq</math> 250GB; phụ kiện: Bàn phím, chuột USB, màn hình;</li><li>- Hệ điều hành Windows 11 trở lên;</li><li>- Phần mềm ứng dụng: Microsoft Office 2016 trở lên; bộ gõ tiếng Việt Unikey; trình duyệt Chrome/Edge; phần mềm đọc văn bản Portable Document Format.</li></ul>	Địa phương
2	Máy in	<ul style="list-style-type: none"><li>- In laser đen trắng</li><li>- Tự động in hai mặt</li><li>- Tốc độ in tối thiểu 40 trang/phút</li><li>- Tương thích với các hệ điều hành Windows 11 trở lên</li></ul>	Địa phương
3	Máy quét tài liệu số hóa (Khổ giấy A4 hoặc A3 theo nhu cầu)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tính năng quét hai mặt, quét nhiều trang</li><li>- khay ADF tối thiểu 40</li><li>- Tốc độ quét tối thiểu 30ppm (02 mặt)</li><li>- Tương thích hệ điều hành Windows</li></ul>	Địa phương (nếu cần)
4	Thiết bị lưu trữ USB	Thiết bị lưu trữ dữ liệu bảo mật dữ liệu bằng mật mã cơ yếu hoặc được kiểm tra an ninh, dán tem trước khi sử dụng.	Địa phương



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

# **QUỐC HỘI VIỆT NAM HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN BẦU CỬ**

***Đăng nhập và Cài Đặt  
Cho tất cả nhóm người dùng***



# MỤC LỤC

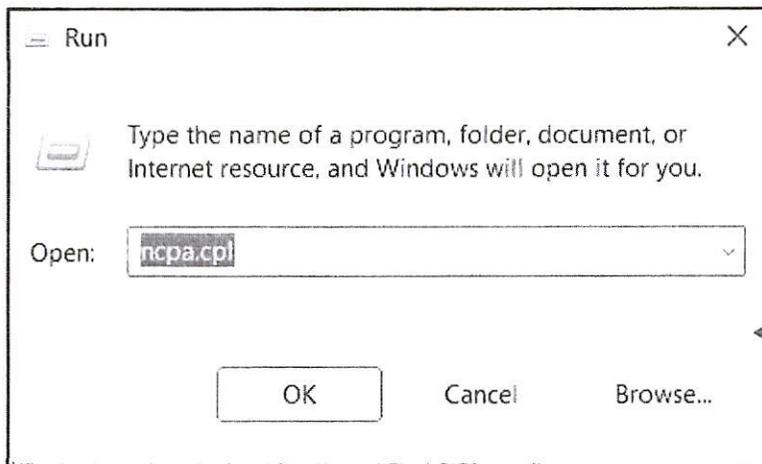
- |                              |                |
|------------------------------|----------------|
| 1. Thiết lập mạng            | <i>Trang 1</i> |
| 2. Kiểm tra kết nối hệ thống | <i>Trang 3</i> |
| 3. Đăng nhập hệ thống        | <i>Trang 4</i> |
| 4. Màn hình trang chủ        | <i>Trang 5</i> |



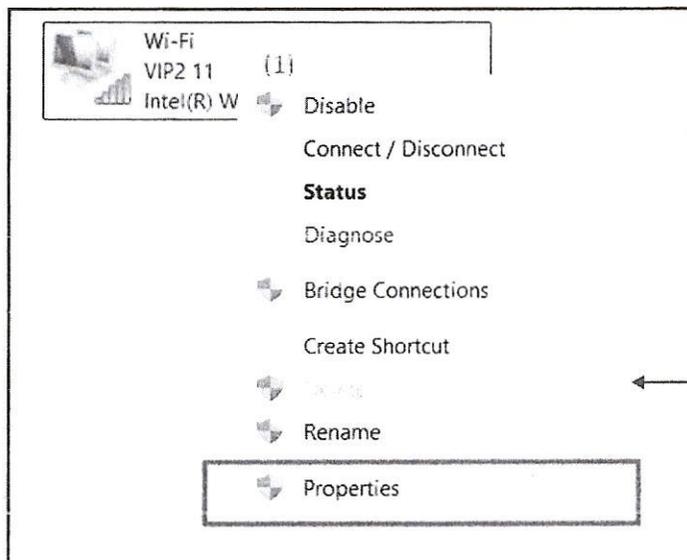
# 1. THIẾT LẬP MẠNG

**Bước 1:** Kết nối máy tính với cổng mạng truyền số liệu chuyên dùng do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

**Bước 2:** Thực hiện cấu hình địa chỉ IP cho máy tính theo thông tin do đơn vị quản trị hệ thống cung cấp.

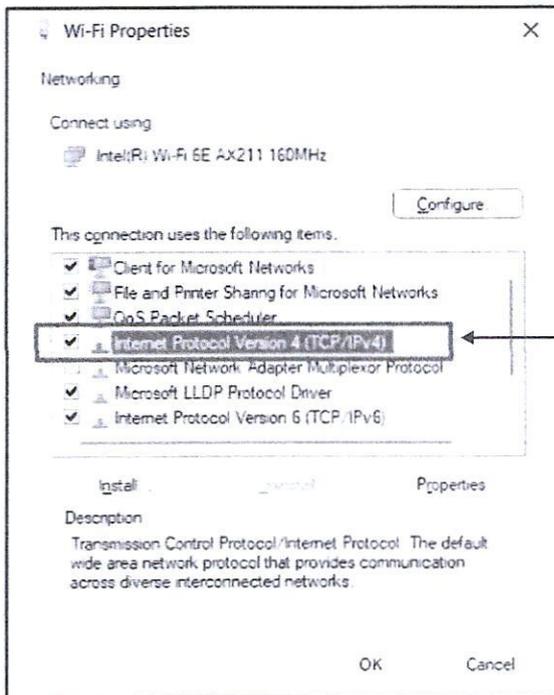


(1) Nhấn phím Windows + R, gõ **ncpa.cpl** và nhấn **Enter** để mở Network Connections.

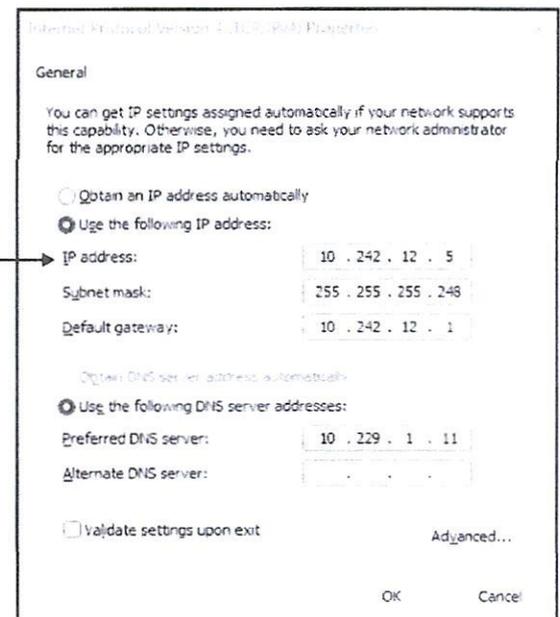


(2) Chuột phải vào card mạng đang dùng (Wi-Fi hoặc Ethernet) và chọn **Properties**.

# 1. THIẾT LẬP MẠNG



(3) Tìm và nhấp đúp vào dòng **Internet Protocol Version 4 (TCP/IPv4)**.



(4) Tại đây lựa chọn: Chế độ thủ công (IP tĩnh) và điền các thông số:

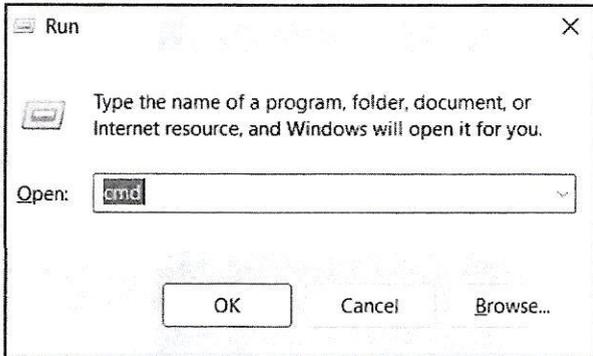
- **IP address:** Ví dụ 10.242.1.15 (IP do Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố cung cấp)
- **Subnet mask:** 255.255.255.248
- **Default gateway:** Ví dụ 10.242.12.1 (do Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố cung cấp)
- Chọn "**Use the following DNS server address:**" và điền thông số DNS là:
  - **Preferred DNS server:** 10.229.1.11
- Nhấn **OK** để lưu lại



## 2. KIỂM TRA KẾT NỐI HỆ THỐNG

Để kiểm tra kết nối, bạn copy phần mềm tracetcp gửi kèm vào ổ cứng (ví dụ lưu tại: D:\tracetcp)

**Bước 1:** Mở CMD của hệ thống (bấm tổ hợp phím Window + R, sau đó gõ cmd)



**Bước 2:** Ở màn hình CMD, chuyển tới thư mục chứa tracetcp (ví dụ: d:\tracetcp)

**Bước 3:** Gõ lệnh: `tracetcp.exe congtaidaibieu.quochoi.vn`

- Hệ thống sẽ trace kết nối đến hệ thống thông tin bầu cử và đưa ra node mạng chưa thông (nếu chưa kết nối được).

```
D:\tracetcp>tracetcp.exe congtaidaibieu.quochoi.vn
Tracing route to 125.212.138.24 [dynamic-ip-adsl.viettel.vn] on port 80
Over a maximum of 30 hops:
  1  *      *      *      Request timed out.
  2  32 ms  16 ms  16 ms  10.61.252.61
  3  32 ms  16 ms  16 ms  10.61.252.36
  4  16 ms  16 ms  15 ms  220.231.123.205 [DongThuan]
  5  28 ms  16 ms  15 ms  27.68.241.105 [DongThuan]
  6  32 ms  95 ms  32 ms  171.251.208.189
  7  *      *      *      Request timed out.
  8  10 ms  16 ms  32 ms  125.212.138.24 [dynamic-ip-adsl.viettel.vn]
  9  Destination Reached in 13 ms. Connection established to 125.212.138.24
Trace Complete.
D:\tracetcp>
```

Nếu kết nối đã thông, màn hình trace thông báo: "Destination Reached in ... ms. Connection established to 125.212.138.24"

```
D:\>cd tracetcp
D:\tracetcp>tracetcp.exe congtaidaibieu.quochoi.vn
Tracing route to 125.212.138.24 [dynamic-ip-adsl.viettel.vn] on port 80
Over a maximum of 30 hops:
  1  *      *      *      Request timed out.
  2  29 ms  181 ms  54 ms  10.61.252.61
  3  30 ms  26 ms  20 ms  10.61.252.36
  4  88 ms  24 ms  12 ms  220.231.123.205 [DongThuan]
  5  10 ms  17 ms  30 ms  27.68.241.105 [DongThuan]
  6  15 ms  17 ms  20 ms  171.251.208.187
  7  *      *      *      Request timed out.
```

Nếu kết nối chưa thông, màn hình trace thông báo: "Request timed out", và chỉ ra kết nối đang chưa thông ở node mạng 171.251.208.187.

=> Nếu gặp lỗi kết nối, vui lòng nhờ nhân viên kỹ thuật của đơn vị để kiểm tra, hỗ trợ.



### 3. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

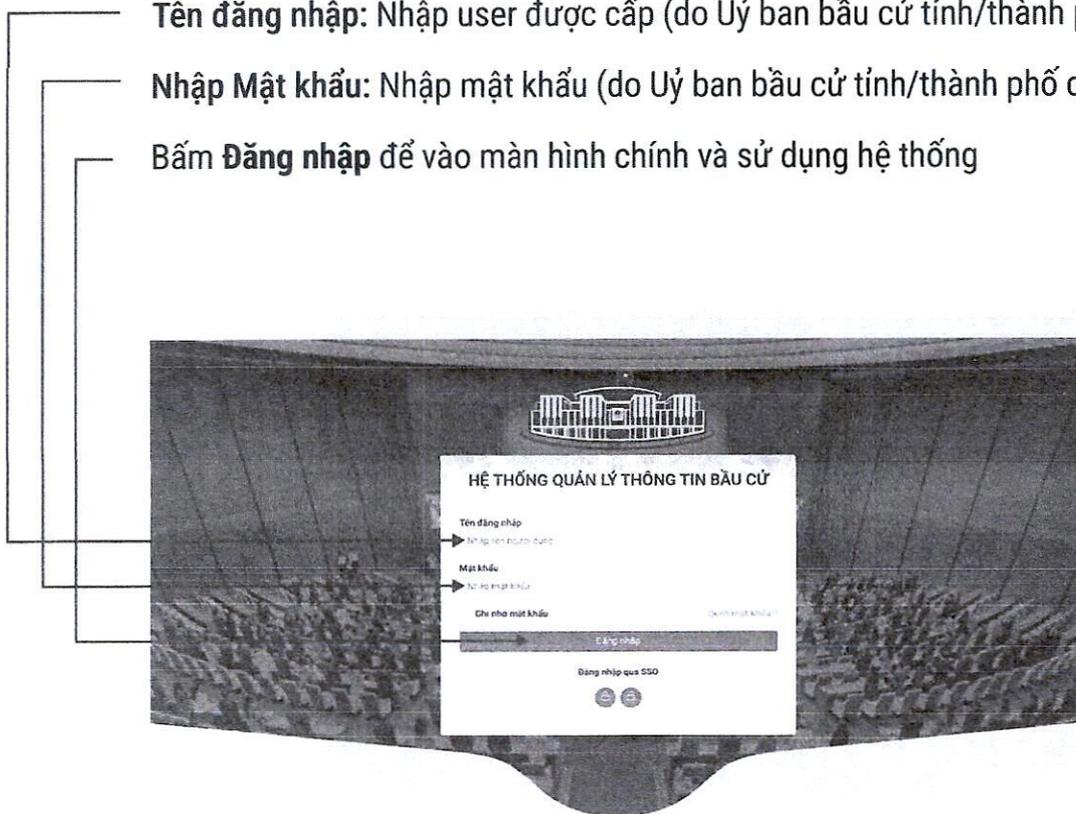
Cán bộ truy cập đường link <https://congtaidaibieu.quochoi.vn> trên trình duyệt **Chrome** hoặc **FireFox**



**Tên đăng nhập:** Nhập user được cấp (do Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố cấp)

**Nhập Mật khẩu:** Nhập mật khẩu (do Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố cấp)

**Bấm Đăng nhập** để vào màn hình chính và sử dụng hệ thống



Màn hình đăng nhập



## 4. MÀN HÌNH TRANG CHỦ

- Màn hình **Trang chủ** hiển thị đồng hồ đếm ngược đến Ngày bầu cử Quốc Hội

Thông tin tài khoản: Cán bộ bấm để thao tác các chức năng như đổi mật khẩu, đăng xuất

Màn hình chính

- Cán bộ bấm vào tên **menu chức năng chính** để mở ra danh sách các chức năng con.
- Chọn tên các từng **chức năng con** để mở ra màn hình chức năng tương ứng.

Thông tin **Hotline** và **Email hỗ trợ** Hệ thống Quản lý thông tin bầu cử

### PHỤ LỤC 3.1

## DANH SÁCH CHỨC NĂNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ THÔNG TIN BẦU CỬ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-HĐBCQG ngày 09 tháng 1 năm 2026)

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
1	<b>Quản trị hệ thống</b>		
1.1	<b>Nhóm Danh mục dùng chung</b>		
1.1.1	Trang chủ (Xem tổng quan thông tin bầu cử)	Cho phép người dùng xem các thông tin tổng quan của quá trình bầu cử.	Hệ thống thông tin bầu cử
1.1.2	Danh mục tỉnh thành (Quản lý danh mục tỉnh thành)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách tỉnh/thành phố theo đúng nghị quyết hành chính mới nhất. (Tìm kiếm, Thêm mới, Chính sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.1.3	Danh mục xã phường (Quản lý danh mục xã phường)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách các xã/phường/thị trấn. (Tìm kiếm, Thêm mới, Chính sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.1.4	Chuyển ngữ (Quản lý chuyển ngữ)	Cho phép quản lý danh sách chuyển ngữ của cách khóa dữ liệu (Tìm kiếm, Thêm mới, Chính sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.1.5	Danh mục động (Quản lý danh mục động)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách các danh mục động dùng cho các trường thông tin của hồ sơ người ứng cử (Tìm kiếm, Thêm mới, Chính sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.1.6	Danh mục động (Quản lý giá trị của danh mục động)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách các giá trị cụ thể của danh mục động dùng cho các trường thông tin trong hồ sơ người ứng cử (Tìm kiếm, Thêm mới, Chính sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.1.7	Thiết lập chính sách truy cập hệ thống	Cho phép quản trị cấu hình các chính sách liên quan đến việc người dùng truy cập hệ thống, như thời gian hết phiên, cảnh báo, giới hạn số lần đăng nhập sai, và các thông báo bảo mật.	
1.1.8	Thiết lập chính sách mật khẩu người sử dụng	Hỗ trợ quản trị thiết lập các quy tắc mật khẩu (độ dài, ký tự đặc biệt, số lần thay đổi, thời hạn mật khẩu...). Đây là nơi định nghĩa các chính sách bắt buộc áp dụng cho tài khoản người dùng nhằm tăng cường bảo mật.	
1.1.9	Quản lý tài khoản cá nhân	Cho phép người dùng xem và cập nhật thông tin tài khoản của chính họ, bao gồm thay đổi mật khẩu, thông tin cá nhân, kiểm tra lịch sử đăng nhập và các thông tin bảo mật khác.	
1.1.10	Quản lý Đăng nhập	Xử lý quy trình xác thực người dùng vào hệ thống. Bao gồm kiểm tra thông tin đăng nhập, áp dụng chính sách bảo mật, kiểm soát khóa tài khoản, và các cảnh báo theo thiết lập hệ thống.	
1.2	<b>Nhóm Quản lý lịch sử đăng nhập</b>		

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
1.2.1	Quản lý Đăng xuất	Xử lý việc người dùng rời khỏi hệ thống một cách an toàn, đảm bảo kết thúc phiên làm việc và chuyển về màn hình đăng nhập.	
1.2.2	Quản lý lịch sử tác động	Cho phép tra cứu và xem chi tiết mọi thao tác (tác động) người dùng thực hiện trên hệ thống. Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo đơn vị, theo người dùng và theo chức năng. Đây là khu vực phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết.	
1.2.3	Quản lý lịch sử lỗi phát sinh	Hiển thị danh sách các lỗi hệ thống ghi nhận khi người dùng thao tác. Hỗ trợ tìm kiếm, xem chi tiết lỗi và phục vụ công tác kiểm tra, xử lý sự cố.	
1.2.4	Quản lý chính sách lưu trữ nhật ký tác động hệ thống	Quản trị các chính sách liên quan đến việc lưu, xóa, khóa nhật ký tác động. Người quản trị có thể thiết lập, cập nhật hoặc khóa chính sách nhằm kiểm soát vòng đời của dữ liệu nhật ký.	
1.2.5	Lưu log hệ thống	Cho phép Phần mềm thực hiện lưu trữ nhật ký tác động theo đúng chính sách được thiết lập. Bao gồm các thao tác lưu log theo thời gian thực, lưu log theo người dùng, theo đơn vị và theo loại tác động. (Xem danh sách, xuất file, xem chi tiết lịch sử gọi API)	
1.2.6	Lưu log hệ thống Tập trung (Gửi thông tin log tác động/log lỗi phát sinh sang hệ thống lưu log tập trung (API))	Cung cấp API để chuyển log tác động và lỗi phát sinh từ Phần mềm lên hệ thống lược tập trung. Hỗ trợ gửi log theo gói, theo thời gian, và xử lý phản hồi từ hệ thống nhận log.	
<b>1.3</b>	<b>Nhóm Đồng bộ dữ liệu, liên thông các hệ thống</b>		
1.3.1	Liên thông hệ thống Cổng thông tin bầu cử Quốc gia (Đồng bộ dữ liệu hồ sơ người ứng cử online từ Cổng thông tin bầu cử Quốc gia)	Hệ thống tự động đồng bộ dữ liệu danh sách hồ sơ người ứng cử từ Cổng thông tin bầu cử Quốc gia, bao gồm thông tin cá nhân, hồ sơ và trạng thái nộp hồ sơ.	
1.3.2	Liên thông hệ thống Cổng thông tin bầu cử Quốc gia (Đồng bộ kết quả kiểm duyệt hồ sơ online sang Cổng thông tin bầu cử Quốc gia)	Sau khi hội đồng thẩm tra/kiểm duyệt, hệ thống gửi kết quả chấp nhận hoặc từ chối hồ sơ sang Cổng thông tin bầu cử Quốc gia để thông báo cho người nộp.	
1.3.3	Liên thông hệ thống Cổng thông tin bầu cử Quốc gia (Đồng bộ danh sách người trúng cử ĐBQH chính thức tới Cổng thông tin bầu cử Quốc gia)	Hệ thống gửi danh sách người trúng cử ĐBQH chính thức sang Cổng thông tin bầu cử Quốc gia để công khai.	
1.3.4	Liên thông hệ thống Cổng thông tin bầu cử Quốc gia (Đồng bộ danh sách người trúng cử ĐBHHĐND Tỉnh chính thức tới Cổng thông tin bầu cử Quốc gia)	Hệ thống gửi danh sách người trúng cử ĐBHHĐND Tỉnh chính thức sang Cổng thông tin bầu cử Quốc gia để công khai.	
1.3.5	Liên thông hệ thống Cổng thông tin bầu cử Quốc gia (Đồng bộ	Hệ thống gửi danh sách người trúng cử ĐBHHĐND Xã chính thức sang Cổng thông tin bầu cử Quốc gia để công khai.	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
	danh sách người trúng cử ĐBHHĐND Xã chính thức tới Cổng thông tin bầu cử Quốc gia)		
1.3.6	Liên thông Hệ thống Hồ sơ đại biểu (Đồng bộ danh sách trúng cử ĐBQH chính thức sang Hệ thống Hồ sơ đại biểu)	Sau khi ứng cử viên được xác nhận tư cách hoặc trúng cử, hệ thống đẩy toàn bộ hồ sơ sang Hệ thống hồ sơ đại biểu để lưu trữ lâu dài.	
1.3.7	Liên thông Hệ thống Hồ sơ đại biểu (Đồng bộ danh sách trúng cử ĐBHHĐND Tỉnh chính thức sang Hệ thống Hồ sơ đại biểu)	Sau khi ứng cử viên được xác nhận tư cách hoặc trúng cử, hệ thống đẩy toàn bộ hồ sơ sang Hệ thống hồ sơ đại biểu để lưu trữ lâu dài.	
1.3.8	Liên thông Hệ thống Hồ sơ đại biểu (Đồng bộ danh sách trúng cử ĐBHHĐND Xã chính thức sang Hệ thống Hồ sơ đại biểu)	Sau khi ứng cử viên được xác nhận tư cách hoặc trúng cử, hệ thống đẩy toàn bộ hồ sơ sang Hệ thống hồ sơ đại biểu để lưu trữ lâu dài.	
1.3.9	Liên thông Hệ thống Hồ sơ đại biểu (Đồng bộ dữ liệu sau cập nhật sang Hệ thống Hồ sơ đại biểu)	Đồng bộ cập nhật thông tin hồ sơ người ứng cử (nếu có) sang hệ thống Hồ sơ đại biểu	
1.3.10	Tích hợp hệ thống SSO của Quốc hội (Tích hợp hệ thống đăng nhập một lần (SSO)/xác thực người dùng (AD) của Quốc hội)	Thực hiện việc kết nối và xác thực người dùng thông qua hệ thống đăng nhập một lần (SSO)/xác thực người dùng (AD) của Quốc hội	
<b>1.4</b>	<b>Nhóm Bảo mật, Phân quyền</b>		
1.4.1	Quản lý vai trò (role)	Tạo và quản lý các vai trò khác nhau cho người dùng, ví dụ như "quản trị viên", "biên tập viên". (Tìm kiếm, Thêm mới, Chỉnh sửa, Xóa)	
1.4.2	Quản lý tài nguyên (resource)	Quản lý các thành phần của hệ thống, ví dụ như "trang báo cáo", "danh sách người dùng". (Tìm kiếm, Thêm mới, Chỉnh sửa, Xóa)	
1.4.3	Quản lý tác động (action)	Quản lý các hành động người dùng có thể thực hiện, ví dụ như "xem", "chỉnh sửa", "xóa".	
1.4.4	Quản lý gán quyền chức năng	Quản lý gán các tài nguyên theo các menu cụ thể mà các vai trò được tác động, ví dụ như Admin được tác động vào tài nguyên "Chuyển ngữ" trong Module Hệ thống	
1.4.5	Quản lý gán quyền tác động	Quản lý gán quyền các tác động (gán quyền API) không có trong các menu chính (kết nối API với các hệ thống khác)	
1.4.6	Quản lý gán quyền đơn vị	Quản lý các hành động người dùng có thể thực hiện cho các vai trò (Tìm kiếm, Thêm mới, Chỉnh sửa, Xóa)	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
1.4.7	Quản lý Danh sách người dùng	Cho phép quản lý danh sách người dùng hệ thống. Người dùng được tạo ra bằng cách chọn một nhân sự từ danh sách nhân sự có sẵn. (Tìm kiếm, Thêm mới, Chỉnh sửa, Xóa)	
1.4.8	Quản lý Danh sách thiết bị	Cho phép quản lý danh sách thiết bị của người dùng hệ thống	
1.4.9	Quản lý gán ứng dụng	Cho phép gán ứng dụng vào người dùng hệ thống. Người dùng được quyền truy cập các ứng dụng được gán tương ứng	
1.4.10	Quản lý gán vai trò	Cho phép quản lý gán vai trò vào người dùng	
1.4.11	Quản lý Danh sách nhóm người dùng	Cho phép quản lý danh sách người dùng hệ thống (thêm, sửa, xóa). Người dùng được tạo ra bằng cách chọn một nhân sự từ danh sách nhân sự có sẵn.	
1.4.12	Quản lý gán người dùng cho nhóm người dùng	Cho phép quản lý gán người dùng vào nhóm	
1.4.13	Quản lý gán vai trò cho nhóm người dùng	Cho phép quản lý gán vai trò vào nhóm người dùng	
1.4.14	Quản lý Danh sách chức năng	Cho phép quản lý danh sách các chức năng hệ thống (Tìm kiếm, Thêm mới, Chỉnh sửa, Xem chi tiết, Xóa)	
1.4.15	Quản lý Danh sách Nhóm chức năng	Cho phép quản lý danh sách các nhóm chức năng hệ thống	
1.4.16	Quản lý Lịch sử đăng nhập	Cho phép theo dõi và xuất file lịch sử đăng nhập của các tài khoản	
<b>1.5</b>	<b>Nhóm cấu hình danh mục dùng chung</b>		
1.5.1	Loại văn bản (Quản lý Loại văn bản)	Cho phép quản lý danh sách các Loại văn bản	
1.5.2	Loại văn bản (Quản lý Nhóm loại văn bản)	Cho phép quản lý danh sách các nhóm loại văn bản	
1.5.3	Loại lĩnh vực (Quản lý Loại lĩnh vực)	Cho phép quản lý danh sách các Loại lĩnh vực	
1.5.4	Loại lĩnh vực (Quản lý Nhóm lĩnh vực)	Cho phép quản lý danh sách các nhóm lĩnh vực	
1.5.5	Loại thể thức (Quản lý Loại thể thức)	Cho phép quản lý danh sách các Loại thể thức	
1.5.6	Loại thể thức (Quản lý Nhóm thể thức)	Cho phép quản lý danh sách các nhóm thể thức	
1.5.7	Chỉ tiêu cơ cấu (Quản lý Loại chỉ tiêu)	Quản lý các chỉ tiêu dùng để phân loại và thống kê.	
1.5.8	Chỉ tiêu cơ cấu (Quản lý Nhóm chỉ tiêu)	Quản lý các nhóm chỉ tiêu dùng để phân loại và thống kê.	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
1.5.9	Loại lý do (Quản lý Loại lý do)	Quản lý các lý do dùng để phân loại và thống kê.	
1.5.10	Loại lý do (Quản lý Nhóm lý do)	Quản lý các nhóm lý do dùng để phân loại và thống kê.	
1.5.11	Loại mục đích (Quản lý Loại mục đích)	Quản lý các mục đích dùng để phân loại và thống kê.	
1.5.12	Loại mục đích (Quản lý nhóm mục đích)	Cho phép quản lý danh sách các nhóm mục đích	
1.5.13	Loại kết luận (Quản lý Loại kết luận)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách loại kết luận	
1.5.14	Loại kết luận (Quản lý nhóm kết luận)	Cho phép quản lý danh sách các nhóm kết luận	
1.5.15	Vị trí công việc (Quản lý Vị trí công việc)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách vị trí công việc theo sơ đồ tổ chức: văn thư, kế toán, ... Chức danh công việc theo sơ đồ tổ chức: Trưởng phòng, Giám đốc, ...	
1.5.16	Vai trò công việc (Quản lý Vai trò công việc)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách vai trò công việc	
1.5.17	Chức danh công việc (Quản lý Chức danh công việc)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách chức danh công việc theo biên bản: thư ký cuộc họp, chủ trì, ...	
1.5.18	Định danh điện tử (Quản lý Định danh điện tử)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Định danh điện tử	
<b>1.6</b>	<b>Nhóm Cấu hình báo cáo, công việc</b>		
1.6.1	Đối tượng dữ liệu (Quản lý Đối tượng dữ liệu)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Đối tượng dữ liệu	
1.6.2	Cấu hình kết nối (Quản lý Cấu hình kết nối)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Cấu hình kết nối	
1.6.3	Cấu hình kết nối (Quản lý Kiểu database)	Cho phép quản lý danh sách các kiểu database	
1.6.4	Loại công việc (Quản lý Bước thực hiện)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Bước thực hiện	
1.6.5	Loại công việc (Quản lý Nhóm thực hiện)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Nhóm thực hiện	
1.6.6	Loại công việc (Quản lý Loại công việc)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Loại công việc	
1.6.7	Loại công việc (Quản lý Phân quyền công việc)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Phân quyền công việc	
1.6.8	Biểu mẫu (Quản lý Biểu mẫu)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Biểu mẫu	
1.6.9	Luồng phê duyệt (Quản lý Luồng phê duyệt)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Luồng phê duyệt	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
1.6.10	Danh sách ủy quyền (Quản lý Danh sách ủy quyền)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Danh sách ủy quyền	
1.6.11	Cấu hình sự kiện (Quản lý Cấu hình sự kiện)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Cấu hình sự kiện	
1.6.12	Cấu hình thông báo (Quản lý Cấu hình thông báo)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Cấu hình thông báo	
1.6.13	Cấu hình phản hồi (Quản lý Cấu hình phản hồi)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách Cấu hình phản hồi	
<b>1.7</b>	<b>Tiện ích và báo cáo thống kê</b>		
1.7.1	Biểu đồ (Quản lý Biểu đồ)	Cho phép người dùng xem số liệu thống kê người ứng cử, kết quả bầu cử, kết quả trúng cử của từng Tỉnh/Thành phố/Đơn vị bầu cử. Ví dụ: Đơn vị bầu cử số 1 đã có 10 cử tri đến bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 2% so với tổng số cử tri	-
1.7.2	Báo cáo chuẩn bị bầu cử (Quản lý báo cáo chuẩn bị bầu cử)	Cho phép người dùng xuất các báo cáo chuẩn bị bầu cử	
1.7.3	Báo cáo công tác bầu cử (Quản lý báo cáo công tác bầu cử)	Cho phép người dùng xuất các báo công tác thực hiện bầu cử	
1.7.4	Báo cáo cơ cấu (Quản lý báo cáo cơ cấu)	Cho phép người dùng xuất các báo cáo cơ cấu	
<b>1.8</b>	<b>Nhóm Văn bản chỉ đạo</b>		
1.8.1	Văn bản chỉ đạo (Quản lý văn bản chỉ đạo)	Cho phép cơ quan bầu cử thêm mới và quản lý các văn bản chỉ đạo tới các cấp. Người dùng có thể xem hoặc tìm kiếm.	
1.8.2	Thông báo (Quản lý Thông báo)	Cho phép ban tổ chức gửi thông báo quan trọng đến các đơn vị: lịch họp, mốc thời gian, lưu ý về hồ sơ, thay đổi quy trình,... Người dùng xem danh sách và chi tiết từng thông báo.	
1.8.3	Hỏi đáp (Quản lý Hỏi Đáp)	Kênh giải đáp thắc mắc cho đơn vị và người dùng: gửi câu hỏi, theo dõi phản hồi, xem danh sách câu trả lời chung.	
1.8.4	Danh sách nhóm cộng tác (Quản lý Danh sách Nhóm Cộng tác)	Quản lý danh sách các nhóm cộng tác viên hỗ trợ bầu cử theo đơn vị (CNTT, kiểm phiếu, giám sát, hậu cần...). Hiển thị thông tin nhóm, thành viên và vai trò.	
<b>1.9</b>	<b>Nhóm Quản lý người dùng</b>		
1.9.1	Sơ đồ tổ chức (Quản lý Sơ đồ tổ chức)	Tạo và quản lý sơ đồ tổ chức của Quốc hội (Quốc hội, UBTVQH, Ủy ban, Văn phòng Quốc hội, Vụ)	
1.9.2	Danh sách nhân sự (Quản lý Danh sách nhân sự)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách nhân sự của các tổ chức Quốc hội	
1.9.3	Danh sách quản lý (Quản lý thành viên cơ quan bầu cử)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách thành viên của các cơ quan bầu cử Quốc hội (Danh sách quản lý)	
1.9.4	Danh sách trợ lý (Quản lý danh sách trợ lý)	Cho phép khai báo và quản lý danh sách trợ lý	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
<b>1.10</b>	<b>Nhóm quản lý Đơn vị bầu cử</b>		
1.10.1	Hội đồng bầu cử (Quản lý Hội đồng bầu cử)	Cho phép tạo và quản lý Hội đồng bầu cử Quốc gia	
1.10.2	Ủy ban bầu cử Tỉnh (Quản lý Ủy ban bầu cử Tỉnh)	Cho phép tạo và quản lý Ủy ban bầu cử Tỉnh	
1.10.3	Ủy ban bầu cử Xã (Quản lý Ủy ban bầu cử Xã)	Cho phép tạo và quản lý Ủy ban bầu cử Xã	
1.10.4	Đơn vị bầu cử ĐBQH (Quản lý Đơn vị bầu cử ĐBQH)	Cho phép tạo và quản lý Đơn vị bầu cử ĐBQH	
1.10.5	Đơn vị bầu cử HĐND Tỉnh (Quản lý Đơn vị bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép tạo và quản lý Đơn vị bầu cử HĐND Tỉnh	
1.10.6	Đơn vị bầu cử HĐND Xã (Quản lý Đơn vị bầu cử HĐND Xã)	Cho phép tạo và quản lý Đơn vị bầu cử HĐND Xã	
1.10.7	Tổ bầu cử (Quản lý Tổ bầu cử)	Cho phép tạo và quản lý Tổ bầu cử	
1.10.8	Kế hoạch bầu cử (Quản lý Kỳ bầu cử)	Cho phép khai báo và quản lý thông tin về thời gian, nhiệm kỳ hoạt động của từng khóa Quốc hội	
1.10.9	Kế hoạch bầu cử (Quản lý Khóa Quốc hội)	Cho phép khai báo và quản lý khóa Quốc Hội tương ứng với từng nhiệm kỳ bầu cử Đại biểu Quốc Hội.	
<b>2</b>	<b>Nhóm chuẩn bị bầu cử (Bầu cử Quốc hội)</b>		
2.1	Hồ sơ ứng cử (Quản lý Danh sách hồ sơ ứng cử bầu cử ĐBQH)	Cho phép khai báo thông tin và quản lý thông tin hồ sơ Người ứng cử Đại biểu Quốc hội	
2.2	Danh sách ứng cử chờ duyệt (Quản lý Hồ sơ ứng cử chờ duyệt bầu cử ĐBQH)	Cho phép khai báo, quản lý thông tin, quản lý trình duyệt và phê duyệt hồ sơ Người ứng cử Đại biểu Quốc hội do UBBC đề cử	
2.3	Danh sách ứng cử online chờ duyệt (Quản lý Hồ sơ ứng cử online chờ duyệt bầu cử ĐBQH)	Cho phép quản lý thông tin và quá trình phê duyệt hồ sơ ứng cử online ĐBQH từ cổng thông tin bầu cử	
2.4	Danh sách ứng cử (Quản lý Danh sách ứng cử bầu cử ĐBQH)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng cử ĐBQH (sau vòng Hiệp thương 3)	
2.5	Phân bổ địa bàn bầu cử (Quản lý Phân bổ địa bàn bầu cử ĐBQH)	Cho phép khai báo và quản lý địa bàn bầu cử ĐBQH.	
2.6	Phân bổ chỉ tiêu (Quản lý Phân bổ chỉ tiêu bầu cử ĐBQH)	Cho phép khai báo và quản lý và giao các chỉ tiêu cho từng đơn vị bầu cử về cơ cấu số lượng các ĐBQH	
2.7	Phân bổ cơ cấu (Quản lý Phân bổ cơ cấu bầu cử ĐBQH)	Cho phép cập nhật số lượng cơ cấu cho từng UBBC theo các chỉ tiêu có sẵn	
2.8	Hiệp thương 2 cấp HĐBC (Quản lý Kết quả hiệp thương 2 tại TW của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Quốc hội tại vòng Hiệp thương 2 tại cấp TW cho mỗi Kỳ bầu cử	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
2.9	Hiệp thương 3 cấp HĐBC (Quản lý Kết quả hiệp thương 3 tại TW của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Quốc hội tại vòng Hiệp thương 2 tại cấp Ủy ban bầu cử Tỉnh cho mỗi Kỳ bầu cử	
2.10	Hiệp thương 2 (Quản lý Kết quả hiệp thương 2 tại Ủy ban của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Quốc hội tại vòng Hiệp thương 3 tại cấp TW cho mỗi Kỳ bầu cử	
2.11	Hiệp thương 3 (Quản lý Kết quả hiệp thương 3 tại Ủy ban của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Quốc hội tại vòng Hiệp thương 3 tại cấp Ủy ban bầu cử Tỉnh cho mỗi Kỳ bầu cử	
2.12	Phân bổ về Ủy ban bầu cử (Quản lý Phân bổ về Ủy ban bầu cử Tỉnh của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý thông tin phân bổ các ứng viên Đại biểu Quốc hội từ TW về UBBC tỉnh cho mỗi Kỳ bầu cử	
2.13	Phân bổ về Đơn vị bầu cử (Quản lý Phân bổ về Đơn vị bầu cử Tỉnh của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý thông tin phân bổ các ứng viên Đại biểu Quốc hội từ Ủy ban bầu cử Tỉnh về Đơn vị bầu cử Tỉnh cho mỗi Kỳ bầu cử	
<b>3</b>	<b>Nhóm thực hiện bầu cử (Bầu cử Quốc hội)</b>		
3.1	Số liệu bầu cử (Giám sát tiến độ bầu cử ĐBQH tại các ĐVBC)	Cho phép lãnh đạo và chuyên viên theo dõi tiến độ công tác bầu cử theo các cấp. Bao gồm các thông tin như số lượng cử tri đi bầu, số phiếu thu vào, số phiếu hợp lệ, ...	
3.2	Số liệu kiểm phiếu (Quản lý Kết quả kiểm phiếu của bầu cử QH)	Cho phép khai báo và quản lý kết quả kiểm phiếu Đại biểu Quốc hội theo từng ĐVBC	
3.3	Danh sách trúng cử (Quản lý Danh sách trúng cử bầu cử ĐBQH)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng viên trúng cử ĐBQH	
<b>4</b>	<b>Nhóm chuẩn bị bầu cử (Bầu cử HĐND Tỉnh/TP)</b>		
4.1	Hồ sơ ứng cử (Quản lý Danh sách hồ sơ ứng cử của bầu cử HĐND tỉnh)	Cho phép quản lý hồ sơ Người ứng cử Đại biểu HĐND Tỉnh	
4.2	Danh sách ứng cử online chờ duyệt (Quản lý Danh sách ứng cử online chờ duyệt bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép quản lý hồ sơ Người ứng cử online cần duyệt Đại biểu HĐND Tỉnh	
4.3	Danh sách ứng cử (Quản lý Danh sách ứng cử bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng cử ĐBHNĐ Tỉnh (sau vòng Hiệp thương 3)	
4.4	Phân bổ địa bàn bầu cử (Quản lý Phân bổ địa bàn bầu cử ĐBHNĐ Tỉnh)	Cho phép khai báo và quản lý địa bàn bầu cử ĐBHNĐ Tỉnh	
4.5	Phân bổ chỉ tiêu (Quản lý Phân bổ chỉ tiêu bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép khai báo và quản lý và giao các chỉ tiêu cho từng đơn vị bầu cử về cơ cấu số lượng các ĐBQH	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
4.6	Phân bổ cơ cấu (Quản lý Phân bổ cơ cấu bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép cập nhật số lượng cơ cấu cho UBBC Tỉnh theo các chỉ tiêu có sẵn	
4.7	Hiệp thương 2 (Quản lý Kết quả hiệp thương 2 của bầu cử HĐND tỉnh)	Cho phép Khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tại vòng Hiệp thương 2 tại cấp Ủy ban Tỉnh cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
4.8	Hiệp thương 3 (Quản lý Kết quả hiệp thương 3 của bầu cử HĐND tỉnh)	Cho phép Khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tại vòng Hiệp thương 3 tại cấp Ủy ban Tỉnh cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
4.9	Phân bổ về Đơn vị bầu cử (Quản lý Phân bổ về Đơn vị bầu cử Tỉnh của bầu cử HĐND tỉnh)	Cho phép Khai báo và quản lý thông tin phân bổ các ứng viên Đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh từ Ủy ban bầu cử Tỉnh về Đơn vị bầu cử Tỉnh cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
<b>5</b>	<b>Nhóm thực hiện bầu cử (Bầu cử HĐND Tỉnh/TP)</b>		
5.1	Số liệu bầu cử (Giám sát tiến độ bầu cử HĐND Tỉnh ở ĐVBC)	Cho phép lãnh đạo và chuyên viên theo dõi tiến độ công tác bầu cử theo cấp UBBC Tỉnh, ĐVBC. Bao gồm các thông tin như số lượng cử tri đi bầu, số phiếu thu vào, số phiếu hợp lệ, ...	
5.2	Số liệu kiểm phiếu (Quản lý Kết quả kiểm phiếu của bầu cử HĐND tỉnh)	Cho phép Khai báo và quản lý kết quả kiểm phiếu bầu cử ĐBHNND Tỉnh tại các ĐVBC.	
5.3	Danh sách trúng cử (Quản lý Danh sách trúng cử bầu cử HĐND Tỉnh)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng viên trúng cử ĐBHNND Tỉnh	
<b>6</b>	<b>Nhóm chuẩn bị bầu cử (Bầu cử HĐND xã/phường)</b>		
6.1	Hồ sơ ứng cử (Quản lý Danh sách hồ sơ ứng cử của bầu cử HĐND xã)	Xem danh sách Người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân Xã	
6.2	Hồ sơ ứng cử online chờ duyệt (Quản lý hồ sơ ứng cử online chờ duyệt HĐND Xã)	Cho phép quản lý thông tin hồ sơ Người ứng cử online chờ duyệt ĐBHNND Xã	
6.3	Danh sách ứng cử (Quản lý Danh sách ứng cử bầu cử HĐND Xã)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng cử ĐBHNND Xã (sau vòng Hiệp thương 3)	
6.4	Phân bổ địa bàn bầu cử (Quản lý Phân bổ địa bàn bầu cử ĐBHNND Xã)	Cho phép khai báo và quản lý địa bàn bầu cử ĐBHNND Xã	
6.5	Phân bổ chỉ tiêu (Quản lý Phân bổ chỉ tiêu bầu cử HĐND Xã)	Cho phép khai báo và quản lý và giao các chỉ tiêu cho từng đơn vị bầu cử về cơ cấu số lượng các ĐBQH	
6.6	Phân bổ cơ cấu (Quản lý Phân bổ cơ cấu bầu cử HĐND Xã)	Cho phép cập nhật số lượng cơ cấu cho UBBC Xã theo các chỉ tiêu có sẵn	

TT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi yêu cầu
6.7	Hiệp thương 2 (Quản lý Kết quả hiệp thương 2 của bầu cử HĐND xã)	Cho phép Khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tại vòng Hiệp thương 2 tại cấp Ủy ban Tỉnh cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
6.8	Hiệp thương 3 (Quản lý Kết quả hiệp thương 3 của bầu cử HĐND xã)	Cho phép Khai báo và quản lý dữ liệu kết quả danh sách Người ứng cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tại vòng Hiệp thương 3 tại cấp Ủy ban Tỉnh cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
6.9	Phân bổ về Đơn vị bầu cử (Quản lý Phân bổ về Đơn vị bầu cử Xã của bầu cử HĐND xã)	Cho phép Khai báo và quản lý thông tin phân bổ các ứng viên Đại biểu Hội đồng nhân dân Xã từ Ủy ban bầu cử Xã về Đơn vị bầu cử Xã cho mỗi nhiệm kỳ bầu cử	
<b>7</b>	<b>Nhóm thực hiện bầu cử (Bầu cử HĐND xã/phường)</b>		
7.1	Số liệu bầu cử (Giám sát tiến độ bầu cử HĐND Xã ở ĐVBC)	Cho phép lãnh đạo và chuyên viên theo dõi tiến độ công tác bầu cử HĐND Xã theo cấp UBBC Tỉnh, ĐVBC. Bao gồm các thông tin như số lượng cử tri đi bầu, số phiếu thu vào, số phiếu hợp lệ, ...	
7.2	Số liệu kiểm phiếu (Quản lý Kết quả kiểm phiếu của bầu cử HĐND xã)	Cho phép Khai báo và quản lý kết quả kiểm phiếu bầu cử ĐBHNĐ Xã tại các ĐVBC.	
7.3	Danh sách trúng cử (Quản lý Danh sách trúng cử bầu cử HĐND Xã)	Cho phép quản lý thông tin danh sách ứng viên trúng cử ĐBHNĐ Xã	